VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH[1]
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Nghị định sau:

- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 (sau đây gọi là Nghị định số 156/2020/NĐ-CP);

- Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 (sau đây gọi là Nghị định số 128/2021/NĐ-CP).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Nghị định trên.

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán[2].

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. [3]*Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.*

---

[2] Nghị định số 128/2021/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán."

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Vi phạm quy định về chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ;

b) Vi phạm quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam;

c) Vi phạm quy định về phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài và phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam;

d) Vi phạm quy định phát hành thêm cổ phiếu;

đ) Vi phạm quy định về công ty đại chúng;

e) Vi phạm quy định về chào mua công khai;

g) Vi phạm quy định về niêm yết chứng khoán, đăng ký giao dịch chứng khoán;

h) Vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán;

i) Vi phạm quy định về kinh doanh chứng khoán và hành nghề chứng khoán; vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán;

k) Vi phạm quy định về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký;

l) Vi phạm quy định công bố thông tin và báo cáo; vi phạm quy định về kiểm toán công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng, công ty chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

m) Vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền và phòng, chống khủng bố trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;

n) Vi phạm quy định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

o) Các vi phạm khác trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Công ty đại chúng;

b) Doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng;

c) Tổ chức phát hành;

d) Tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; tổ chức tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch;

đ) Tổ chức kiểm toán được chấp thuận;

e) Tổ chức tư vấn chào bán, phát hành, tổ chức bảo lãnh phát hành; tổ chức đấu thầu, đại lý phát hành;

g) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán;

h) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

i) Cổ đông, nhà đầu tư là tổ chức;

k) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam thực hiện hoạt động lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, ngân hàng giám sát;

l) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chứng khoán;

m) Các tổ chức khác hoạt động trên thị trường chứng khoán hoặc có liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán" là việc thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Chứng khoán, gồm một, một số hoặc tất cả các hành vi dưới đây:

a) Sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán cho chính mình hoặc cho người khác;

b) Tiết lộ, cung cấp thông tin nội bộ hoặc tư vấn cho người khác mua, bán chứng khoán trên cơ sở thông tin nội bộ.

2. "Thao túng thị trường chứng khoán" là việc thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Chứng khoán, gồm một, một số hoặc tất cả các hành vi dưới đây:

a) Sử dụng một hoặc nhiều tài khoản giao dịch của mình hoặc của người khác hoặc thông đồng liên tục mua, bán chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo;

b) Đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày giao dịch hoặc thông đồng với nhau giao dịch mua, bán chứng khoán mà không dẫn đến chuyển nhượng thực sự quyền sở hữu hoặc quyền sở hữu chỉ luân chuyển giữa các thành viên trong nhóm nhằm tạo giá chứng khoán, cung cầu giả tạo;

c) Liên tục mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường nhằm tạo ra mức giá đóng cửa hoặc giá mở cửa mới cho loại chứng khoán đó trên thị trường;

d) Giao dịch chứng khoán bằng hình thức cấu kết, lôi kéo người khác liên tục đặt lệnh mua, bán chứng khoán gây ảnh hưởng lớn đến cung cầu và giá chứng khoán, thao túng giá chứng khoán;

đ) Đưa ra ý kiến một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua phương tiện thông tin đại chúng về một loại chứng khoán, về tổ chức phát hành chứng khoán nhằm tạo ảnh hưởng đến giá của loại chứng khoán đó sau khi đã thực hiện giao dịch và nắm giữ vị thế đối với loại chứng khoán đó;

e) Sử dụng các phương thức hoặc thực hiện các hành vi giao dịch khác hoặc kết hợp tung tin đồn sai sự thật, cung cấp thông tin sai lệch ra công chúng để tạo cung cầu giả tạo, thao túng giá chứng khoán.

3. "Làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo" là việc tạo dựng hoặc xác nhận các tài liệu, thông tin không có thực hoặc không chính xác để đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành thêm cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng, đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán.

4. “Giấy phép, giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán” là các loại giấy phép, giấy chứng nhận được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật chứng khoán cho tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. “Sử dụng thông tin ngoài Bản cáo bạch hoặc thông tin sai lệch với thông tin trong Bản cáo bạch để thăm dò thị trường trước khi được phép thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng” là việc sử dụng thông tin không có trong Bản cáo bạch hoặc không chính xác so với nội dung tại Bản cáo bạch trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng để thăm dò thị trường trước khi được phép thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng.

6. “Thực hiện hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán” là việc cố ý cung cấp cho khách hàng và nhà đầu tư thông tin, đưa ra những nhận định, tư vấn hoặc khuyến cáo không chính xác, không đầy đủ, không có căn cứ, che giấu sự thật về giá hoặc các yếu tố ảnh hưởng tới giá của một hoặc nhiều loại chứng khoán dẫn đến khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán và có quyết định không đúng trong đầu tư.

7. "Thông tin sai sự thật" là thông tin không chính xác so với thông tin thực tế, có thật hoặc so với thông tin đã được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xác nhận, chứng thực.

8. "Đối xử không công bằng với những người sở hữu cùng loại cổ phiếu, quyền mua cổ phần và trái phiếu chuyển đổi hoặc chứng chỉ quỹ đóng đang được chào mua công khai" là việc người chào mua công khai áp dụng các điều kiện, điều khoản, quyền, lợi ích, nghĩa vụ, trách nhiệm không giống nhau khi chào mua từ các nhà đầu tư sở hữu cùng loại cổ phiếu, quyền mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ đóng đang được chào mua hoặc áp dụng không giống với nội dung điều khoản chào mua đã công bố.

9. [4]"Che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trốn tránh hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc chào mua công khai hoặc quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam” là việc các tổ chức, cá nhân thỏa

[4] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

thuận hoặc thực hiện giao dịch hoặc theo bất kỳ phương thức nào mà thông qua đó một bên cung cấp hoặc giao tiền, tài sản cho bên kia để bên kia đứng tên mua, sở hữu chứng khoán, từ đó bên cung cấp hoặc giao tiền, tài sản trốn tránh thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc chào mua công khai hoặc quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm một, một số hoặc tất cả các hành vi dưới đây:

a) Che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trốn tránh hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông sáng lập; cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ;

b) Che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trốn tránh hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh không thực hiện chào mua công khai đối với một hoặc một số chứng khoán;

c) Che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

10. [5] "Tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán" là việc tổ chức, cá nhân tạo dựng, công bố thông tin không chính xác so với thông tin thực tế, thông tin không có thật hoặc thông tin không đúng so với thông tin đã được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xác nhận, chứng thực hoặc là việc tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi, giao dịch hoặc bất cứ phương thức nào hoặc kết hợp với việc công bố thông tin sai sự thật để che giấu thông tin khi báo cáo, công bố hoặc trốn tránh không báo cáo, công bố thông tin

[5] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

theo quy định pháp luật chứng khoán, gây hiểu nhầm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng khoán.

Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền;

c) [6]Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng;

d) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) [7]Đình chỉ hoạt động chào mua công khai; hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán; hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán; hoạt động văn phòng đại diện; hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán; hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng, trong trường hợp không áp dụng là hình thức xử phạt chính theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể bị áp dụng một

---

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây theo quy định cụ thể tại Chương II Nghị định này:

a) [8]Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu hoặc lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; buộc thu hồi cổ phiếu phát hành thêm; buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành trong khoảng thời gian vượt quá thời gian quy định; buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng;

b) Buộc công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc công bố thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận;

c) Buộc báo cáo, cung cấp thông tin chính xác; buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin; buộc giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp hoặc khoản thu trái pháp luật có được do thực hiện hành vi vi phạm;

đ) Buộc chào mua công khai theo phương án đã đăng ký; buộc mua tiếp số cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ đóng còn lại sau khi thực hiện chào mua công khai; buộc từ bỏ quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền trên số cổ phần có được từ hành vi vi phạm;

e) Buộc bán cổ phiếu hoặc vốn cổ phần hoặc phần vốn góp để giảm tỷ lệ nắm giữ theo đúng quy định; buộc bán cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ đóng để giảm tỷ lệ nắm giữ xuống dưới mức phải chào mua công khai;

g) Buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thay đổi mục đích hoặc phương

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng;

h) Buộc nộp hồ sơ đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán cho Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con;

i) [9]Buộc lưu ký, quản lý tách biệt tài sản, vốn của từng nhà đầu tư ủy thác, của từng quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam quản lý; buộc quản lý tách biệt tài sản ủy thác, tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán và tài sản của chính công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; buộc lưu ký, quản lý tách biệt tài sản của từng quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán, của từng khách hàng ủy thác và tài sản của ngân hàng; buộc dừng thực hiện hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán;

k) [10]Buộc quản lý tách biệt tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ là tiền và chứng khoán của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; buộc mở tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ chi tiết cho từng khách hàng; buộc quản lý tách biệt tài sản, vị thế giao dịch của từng khách hàng và của khách hàng với thành viên bù trừ;

l) Buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của thành viên bù trừ với tài khoản, tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của từng thành viên bù trừ; buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản ký quỹ của từng thành viên bù trừ và các khách hàng của chính thành viên bù trừ đó; buộc tách biệt giữa tài sản ký quỹ, tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán phái sinh và tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán cơ sở;

m) Buộc gỡ bỏ trang thông tin điện tử, phần mềm, hệ thống giao dịch và các trang thiết bị khác được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm;

---

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

n) [11]Buộc dừng thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng; buộc dừng thực hiện hoạt động văn phòng đại diện;

o) Buộc dừng thực hiện hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng; buộc giảm giá trị bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định;

p) [12]Buộc nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng hoặc về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng;

q) [13]Buộc dừng thực hiện phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam;

r) [14]Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị tẩy xóa, sửa chữa.

Điều 5. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán[15]

1. Tổ chức, cá nhân chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi có hành vi vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần và các vi phạm này được phát hiện ở cùng một thời điểm nhưng chưa bị xử phạt và chưa hết thời hiệu xử phạt thì xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi

---

[11] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[12] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[13] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[14] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

phạm hành chính nhiều lần. Đối với các trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần dưới đây bị xử phạt về một hành vi có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi báo cáo không đúng thời hạn hoặc không báo cáo khi có sự thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng hoặc khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng hoặc khi không còn là cổ đông lớn hoặc không còn là nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 33 Nghị định này;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch hoặc không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 33 Nghị định này;

c) Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi không báo cáo về việc dự kiến giao dịch hoặc thực hiện hành vi giao dịch ngoài khoảng thời gian đăng ký hoặc ngoài khoảng thời gian Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con công bố thông tin hoặc vượt quá giá trị đăng ký quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 33 Nghị định này;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi công bố thông tin không đúng thời hạn hoặc không công bố đối với thông tin phải công bố quy định tại điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 42 Nghị định này, thực hiện hành vi báo cáo không đúng thời hạn hoặc không báo cáo đối với thông tin phải báo cáo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 43 Nghị định này.

3. Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền:

a) Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 36 Nghị định này là 10 lần khoản thu trái pháp luật đối với tổ chức và 05 lần khoản thu trái pháp luật đối với cá nhân. Trường hợp không có khoản thu trái pháp luật hoặc mức phạt tính theo khoản thu trái pháp luật thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản này để xử phạt;

b) Mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực chứng khoán là 3.000.000.000 đồng đối với tổ chức và 1.500.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này được áp dụng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 15, khoản 2 Điều 30 Nghị định này quy định mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân, trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 39 Nghị định này quy định cả mức phạt tiền áp dụng cho tổ chức và cho cá nhân. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

Điều 6. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán[16]

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

3. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt đối với một số hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm quy định về thực hiện chào bán, phát hành chứng khoán tại điểm a khoản 5 Điều 8, các điểm a, b, c khoản 5 Điều 10, khoản 2 Điều 12 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán hoặc là ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền hoặc là ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu;

b) Đối với hành vi vi phạm chậm hồ sơ đăng ký công ty đại chúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4, điểm a khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 13 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

---

[16] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Đối với hành vi đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán quá thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày giao dịch đầu tiên của chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

d) Đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24, điểm b khoản 5 Điều 30, điểm b khoản 4 Điều 32 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày thực hiện hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề chứng khoán; trường hợp không xác định được ngày tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề chứng khoán thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày phát hiện giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung;

đ) Đối với hành vi vi phạm quy định về báo cáo, công bố thông tin quy định tại điểm a khoản 3 Điều 42, điểm a khoản 2 Điều 43 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày thực hiện báo cáo, công bố thông tin;

e) Đối với hành vi che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trốn tránh hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc chào mua công khai hoặc quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện công bố thông tin theo quy định hoặc bán chứng khoán để giảm tỷ lệ nắm giữ xuống dưới mức phải chào mua công khai hoặc bán chứng khoán để nắm giữ không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng.

Điều 7. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm

1. [17]Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 8; khoản 2 và khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 11; khoản 3 và khoản 4 Điều 12; khoản 8

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 13; khoản 4 và khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 28; khoản 4 Điều 31; khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 38; khoản 5a Điều 42; điểm d khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều 45 Nghị định này thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng trả lại hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN RIÊNG LẺ

Điều 8. Vi phạm quy định về chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) [18]***(được bãi bỏ)***;

b) Thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu khi chưa được chấp thuận hoặc thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu không đúng với phương án đã được chấp thuận;

c) [19]*Không công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành để thực hiện dự án đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được*

---

[18] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[19] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng thành viên, báo cáo chủ sở hữu công ty hoặc không thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành để thực hiện dự án trong báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán xác nhận, trừ trường hợp chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ không đúng thời gian quy định;

b) Thực hiện phân phối chứng khoán riêng lẻ không đúng quy định pháp luật;

c) [20]Không chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào tài khoản phong tỏa; sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc xác nhận kết quả chào bán;

d) Đưa ra nhận định hoặc đảm bảo với nhà đầu tư về giá chứng khoán trong tương lai, về mức thu nhập, lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc đảm bảo không bị thua lỗ, ngoại trừ trường hợp phát hành trái phiếu không chuyển đổi;

đ) Không thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu chào bán, phát hành riêng lẻ hoặc thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu chào bán, phát hành riêng lẻ không đúng thời hạn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp hoặc hồ sơ đã trình tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;

b) [21]Chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ không đúng với phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc phương án đã được chấp thuận trong hồ sơ chào bán hoặc phát hành;

---

[20] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) [22]Công bố thông tin chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào mua chứng khoán được chào bán hoặc phát hành riêng lẻ; quảng cáo việc chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ trên phương tiện thông tin đại chúng;

d) [23]Không lưu giữ tài liệu về việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia mua chứng khoán chào bán hoặc phát hành riêng lẻ;

đ) Chứng nhận việc chuyển nhượng chứng khoán chào bán riêng lẻ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng hoặc trong trường hợp pháp luật quy định không được chuyển nhượng; thực hiện chuyển nhượng trái phiếu chào bán, phát hành riêng lẻ vi phạm quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) [24]Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ nhưng không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ khi chưa được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho phép thực hiện; thực hiện thay đổi phương án sử dụng số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền với giá trị thay đổi từ 50% trở lên số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua; không báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

---

[21] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[22] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[23] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[24] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) [25]Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ không đúng với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thông qua hoặc nội dung đã công bố thông tin cho nhà đầu tư hoặc nội dung đã báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật; chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp tổ chức chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức chào bán, phát hành chứng khoán và công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ của tổ chức chào bán, phát hành chứng khoán;

b) [26]Không đảm bảo việc chào bán hoặc phát hành trái phiếu riêng lẻ đáp ứng đủ điều kiện; không đảm bảo các thông tin trong hồ sơ chào bán hoặc phát hành trái phiếu riêng lẻ chính xác, trung thực, có thể kiểm chứng được và có đầy đủ các nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ;

c) [27]Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được phát hành, trừ trường hợp được pháp luật quy định.

6. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

---

[25] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[26] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[27] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

7. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện chào bán, phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là giấy tờ giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) [28]Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 3, điểm b khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều này, trong trường hợp đã chào bán, phát hành chứng khoán. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu;

b) Buộc công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc công bố thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

c) [29]Buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

---

[28] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[29] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

d) Buộc hủy bỏ thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

đ) [30]Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành trong khoảng thời gian vượt quá thời gian quy định; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu;

e) [31]Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này, trong trường hợp đã chào bán, phát hành chứng khoán. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu.

Mục 2
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG TẠI VIỆT NAM

Điều 9. Vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam

[30] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[31] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.

2. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

3. Phạt tiền từ 2.500.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện chào bán trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là giấy tờ giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) [32]Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp đã chào bán chứng khoán ra công chúng. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu;

---

[32] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) [33]Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này trong trường hợp đã chào bán chứng khoán ra công chúng. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu;

c) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đưa ra nhận định hoặc đảm bảo với nhà đầu tư về giá chứng khoán trong tương lai, về mức thu nhập, lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc đảm bảo không bị thua lỗ, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi ra công chúng.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng thông tin ngoài Bản cáo bạch hoặc thông tin sai lệch với thông tin trong Bản cáo bạch để thăm dò thị trường trước khi được phép thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng; thực hiện phân phối chứng khoán ra công chúng không đúng quy định pháp luật;

b) Không chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào tài khoản phong tỏa; giải tỏa hoặc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc xác nhận kết quả chào bán;

---

[33] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Không công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc không thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức bảo lãnh phát hành khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng khi không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng theo hình thức cam kết chắc chắn với tổng giá trị chứng khoán lớn hơn vốn chủ sở hữu hoặc vượt quá 15 lần hiệu số giữa giá trị tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất.

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán chứng khoán ra công chúng không đúng với phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) [34]Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng nhưng không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc khi chưa được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện hoặc thực hiện thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền với giá trị thay đổi từ 50% trở lên số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua; sử dụng số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng không đúng với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc nội dung đã công bố thông tin cho nhà đầu tư hoặc nội dung đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; không báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

---

[34] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

5. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán chứng khoán ra công chúng khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

b) Chào bán chứng khoán ra công chúng để thành lập doanh nghiệp, trừ trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng để thành lập doanh nghiệp được quy định tại Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Điều 14, khoản 6 Điều 15 Luật Chứng khoán;

c) Chào bán chứng khoán ra công chúng nhưng không nộp hồ sơ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng;

d) Không thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng theo cam kết bảo lãnh phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.

6. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng đối với tổ chức nước ngoài chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam vi phạm cam kết không chuyển vốn huy động được ra nước ngoài hoặc vi phạm cam kết không rút vốn tự có đối ứng trong thời hạn dự án được cấp phép.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán *có thời hạn*[35] từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) [36]*Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, các điểm a, b, c khoản 5, khoản 6 Điều này. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua*

---

[35] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[36] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu;

b) Buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất về việc thay đổi mục đích hoặc phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Buộc công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc công bố thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

d) Buộc dừng thực hiện hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

đ) Buộc giảm giá trị bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Mục 3
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ, CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN TẠI NƯỚC NGOÀI VÀ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN MỚI LÀM CƠ SỞ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN TẠI NƯỚC NGOÀI HOẶC HỖ TRỢ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN TẠI NƯỚC NGOÀI TRÊN CƠ SỞ CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH TẠI VIỆT NAM

Điều 11. Vi phạm quy định về phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài và phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu về việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ, tài liệu hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ, tài liệu đã nộp.

1a. [37]Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu bằng ngoại tệ tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối;

b) Không chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào tài khoản phong tỏa;

c) Sử dụng tiền trong tài khoản phong tỏa trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán hoặc báo cáo kết quả đợt phát hành.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

b) [38]Thực hiện phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ

---

[37] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[38] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam khi chưa đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc không đúng với phương án đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thẩm định, chấp thuận.

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ, tài liệu về việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

4. [39]Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc dừng thực hiện phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Mục 4
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU

Điều 12. Vi phạm quy định phát hành thêm cổ phiếu

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ, tài liệu hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ, tài liệu đã nộp;

---

[39] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) [40]Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu không đúng với phương án đã báo cáo hoặc đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc thực hiện phát hành thêm cổ phiếu không đúng thời hạn.

1a. [41]Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không chuyển số tiền thu được từ đợt phát hành thêm vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu nhưng không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc đã báo cáo nhưng chưa có văn bản thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo về phát hành thêm cổ phiếu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; thực hiện phát hành thêm cổ phiếu khi chưa được hoặc không được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

c) Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

4. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện phát hành thêm trong hồ sơ báo cáo về phát hành thêm cổ phiếu.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là giấy tờ giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

---

[40] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[41] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc thu hồi cổ phiếu đã phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành, trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong trường hợp đã phát hành cổ phiếu; đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

c) [42]Buộc thu hồi cổ phiếu phát hành thêm; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này, trong trường hợp đã phát hành thêm cổ phiếu. Thời hạn thu hồi cổ phiếu, hoàn trả tiền cho nhà đầu tư là tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành.

Mục 5
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Điều 13. Vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký công ty đại chúng

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng đến 01 tháng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng từ trên 01 tháng đến 03 tháng.

---

[42] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng từ trên 03 tháng đến 06 tháng.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng từ trên 06 tháng đến 12 tháng.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chậm nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng từ trên 12 tháng đến 24 tháng;

b) Hồ sơ đăng ký công ty đại chúng có thông tin không chính xác về hoạt động kinh doanh, cơ cấu cổ đông, tài sản, tình hình tài chính và các thông tin khác trong hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

6. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng từ trên 24 tháng đến 36 tháng.

7. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng trên 36 tháng hoặc không nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

8. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện là công ty đại chúng trong hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là giấy tờ giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp thông tin chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

b) Buộc dừng thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về hủy tư cách công ty đại chúng

1. Hành vi vi phạm quy định về thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại Điều 32 Luật Chứng khoán bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo khi thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm dưới 15 ngày so với quy định;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm từ 15 ngày trở lên so với quy định;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng khi không thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định.

2. [43]Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không nộp hoặc nộp không đúng thời hạn hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại Điều 39 Luật Chứng khoán trong trường hợp phải nộp hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định pháp luật.

Điều 15. Vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng[44]

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với công ty đại chúng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; không xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong trường hợp công ty đại chúng tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp; không quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

b) Không bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với công ty đại chúng không đưa nội dung thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

---

[43] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[44] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các cá nhân quy định tại khoản này thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết không lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán không đảm bảo số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán hàng năm theo quy định.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị không báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó nhưng chưa được thực hiện; không báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua trước khi thực hiện thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với các cá nhân quy định tại khoản này thực hiện một trong các hành vi phạm sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của một công ty đại chúng; thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác của công ty đại chúng thực hiện hợp đồng, giao dịch khi chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

6. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty đại chúng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; không đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành; không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập; không đảm bảo thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và không thuộc các trường hợp pháp luật quy định; không đảm bảo cơ cấu có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán;

b) Không mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối;

c) Vi phạm quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này;

d) Không ký kết hợp đồng bằng văn bản khi tiến hành giao dịch với người có liên quan.

Điều 15a. Vi phạm quy định về thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng[45]

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với công ty đại chúng thực hiện thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa không đúng thời gian quy định tại Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty đại chúng không thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng hoặc về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành.

Điều 16. Vi phạm quy định về mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ[46]

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện mua lại cổ phiếu không đúng quy định pháp luật về thời hạn, giá, khối lượng giao dịch;

---

[45] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[46] Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Không làm thủ tục giảm vốn điều lệ hoặc làm thủ tục giảm vốn điều lệ không đúng thời hạn theo quy định pháp luật sau khi thực hiện mua lại cổ phiếu;

c) [47]Thực hiện bán cổ phiếu quỹ trước thời gian quy định; không hoàn thành việc bán cổ phiếu quỹ trong thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Mua lại cổ phiếu nhưng không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật hoặc đã báo cáo nhưng chưa có văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo việc mua lại cổ phiếu;

b) [48]Mua lại cổ phiếu khi không đáp ứng đủ điều kiện; mua lại cổ phiếu trong trường hợp không được mua lại;

c) Thay đổi phương án mua lại cổ phiếu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

d) Mua lại cổ phiếu không đúng với phương án đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc nội dung đã công bố thông tin ra công chúng;

đ) [49]Bán ra số cổ phiếu đã mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán và khoản 4 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

e) [50]Bán cổ phiếu quỹ mà không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc không đúng với phương án đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc nội dung đã công bố thông tin ra công chúng.

---

[47] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[48] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 15 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[49] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 15 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[50] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 15 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.

Mục 6
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHÀO MUA CÔNG KHAI

Điều 17. Vi phạm quy định về chào mua công khai

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) [51]Trực tiếp hoặc gián tiếp mua hoặc cam kết mua cổ phiếu, quyền mua cổ phần, chứng quyền và trái phiếu chuyển đổi của công ty mục tiêu hoặc chứng chỉ quỹ đóng của quỹ đầu tư mục tiêu, quyền mua chứng chỉ quỹ đóng của quỹ đầu tư mục tiêu bên ngoài đợt chào mua công khai;

b) Bán hoặc cam kết bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng mà mình đang chào mua công khai;

c) Đối xử không công bằng với những người sở hữu cùng loại cổ phiếu, quyền mua cổ phần và trái phiếu chuyển đổi hoặc chứng chỉ quỹ đóng đang được chào mua công khai;

d) Cung cấp thông tin riêng cho một số cổ đông hoặc nhà đầu tư hoặc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư ở mức độ không giống nhau hoặc không cùng thời điểm;

đ) [52]Tiến hành chào mua công khai không đúng với thời gian quy định tại Điều 93 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

e) [53]Từ chối mua cổ phiếu của cổ đông công ty mục tiêu hoặc chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư của quỹ đầu tư mục tiêu;

---

[51] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[52] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

g) [54]Mua cổ phiếu của công ty mục tiêu hoặc chứng chỉ quỹ đóng của quỹ đầu tư mục tiêu theo điều khoản khác với điều khoản được công bố trong Bản công bố thông tin chào mua công khai hoặc Bản cáo bạch;

h) Không thực hiện hoặc thực hiện việc mua tiếp số cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ đóng còn lại sau khi thực hiện chào mua công khai không đúng quy định về thời gian hoặc thực hiện với điều kiện về giá và phương thức thanh toán không tương tự như đối với đợt chào mua công khai;

i) Không thực hiện báo cáo, công bố thông tin về việc chào mua công khai hoặc thực hiện báo cáo, công bố thông tin về việc chào mua công khai không đúng quy định pháp luật;

k) [55]Không bảo đảm việc tăng giá chào mua được áp dụng đối với tất cả các cổ đông của công ty mục tiêu hoặc nhà đầu tư của quỹ đầu tư mục tiêu, bao gồm cả các cổ đông hoặc nhà đầu tư đã gửi đăng ký bán cho bên chào mua; điều chỉnh giảm giá chào mua công khai trong quá trình chào mua công khai;

l) Không chỉ định một công ty chứng khoán làm đại lý thực hiện việc chào mua công khai; không cập nhật về đại lý chào mua công khai kèm theo xác nhận đại lý chào mua công khai thay đổi.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán làm đại lý chào mua công khai thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện chào mua công khai theo đúng quy định để cá nhân, tổ chức chào mua vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) [56]Không đảm bảo cá nhân, tổ chức chào mua công khai có đủ tiền để thực hiện chào mua vào thời điểm chính thức chào mua công khai theo hồ sơ đăng ký đối với việc chào mua công khai thanh toán bằng tiền.

---

[53] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[54] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[55] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[56] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 16 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không đăng ký chào mua công khai theo quy định pháp luật;

b) [57]Thực hiện chào mua công khai khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chưa có văn bản chấp thuận đăng ký chào mua hoặc khi chưa được tổ chức, cá nhân chào mua công bố công khai việc chào mua theo phương thức pháp luật quy định; thực hiện chào mua công khai không đúng với phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) [58]Rút lại đề nghị chào mua công khai trong các trường hợp không được nêu trong Bản công bố thông tin chào mua công khai hoặc Bản cáo bạch phù hợp với quy định pháp luật hoặc khi chưa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng việc biết thông tin về chào mua công khai để mua bán chứng khoán cho chính mình hoặc cung cấp thông tin, xúi giục, lôi kéo người khác mua, bán chứng khoán trước thời điểm chào mua công khai chính thức.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động chào mua công khai *có thời hạn*[59] từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chào mua công khai theo phương án đã đăng ký đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm e, g khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều này;

b) Buộc mua tiếp số cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ đóng còn lại sau khi thực hiện chào mua công khai đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này;

---

[57] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 16 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[58] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 16 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[59] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Buộc từ bỏ quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền trên số cổ phần có được từ hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều này;

d) Buộc bán cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ đóng để giảm tỷ lệ nắm giữ xuống dưới mức phải chào mua công khai đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều này trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Mục 7
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 18. Vi phạm quy định về niêm yết chứng khoán, đăng ký giao dịch chứng khoán

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết chứng khoán, đăng ký giao dịch chứng khoán hoặc thực hiện niêm yết chứng khoán, đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung không đúng thời hạn theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp.

3. Hành vi không đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán không đúng thời hạn thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán quá thời hạn đến 01 tháng;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán quá thời hạn từ trên 01 tháng đến 03 tháng;

c) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán quá thời hạn từ trên 03 tháng đến 06 tháng;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán quá thời hạn từ trên 06 tháng đến 09 tháng;

đ) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán quá thời hạn từ trên 09 tháng đến 12 tháng;

e) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán quá thời hạn trên 12 tháng hoặc không đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

5. Phạt tiền từ 2.500.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện niêm yết chứng khoán trong hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán hoặc làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo trong hồ sơ đăng ký giao dịch chứng khoán.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là giấy tờ giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp hồ sơ đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán cho Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con trong thời hạn tối đa 60 ngày đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành Việt Nam tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký niêm yết chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không nộp hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Mục 8
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 20. Vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán

1. Phạt tiền từ 2.500.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán trái với quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Chứng khoán.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán *có thời hạn*[60] từ 03 tháng đến 05 tháng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng

[60] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

khoán, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán *có thời hạn*[61] từ 12 tháng đến 18 tháng đối với người hành nghề chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc gỡ bỏ trang thông tin điện tử, phần mềm, hệ thống giao dịch và các trang thiết bị khác được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về quản lý niêm yết, đăng ký giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam[62]

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam không xử lý những trường hợp tổ chức niêm yết không duy trì đầy đủ điều kiện niêm yết theo quy định.

2. Phạt tiền 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam chấp thuận, thay đổi hoặc hủy bỏ niêm yết, đăng ký giao dịch không đúng quy định.

Điều 22. Vi phạm quy định về quản lý thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam[63]

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam không xử lý những trường hợp thành viên không duy trì đầy đủ điều kiện về thành

---

[61] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[62] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[63] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

viên hoặc không tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ của thành viên theo quy định pháp luật, quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều 46 Luật Chứng khoán.

2. Phạt tiền 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chấp thuận đăng ký thành viên khi chưa đáp ứng đủ điều kiện;

b) Đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách thành viên khi không thuộc trường hợp bị đình chỉ, hủy bỏ tư cách thành viên.

Điều 23. Vi phạm quy định về giao dịch và giám sát của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam[64]

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tổ chức giao dịch loại chứng khoán mới, thay đổi và áp dụng phương thức giao dịch mới, đưa vào vận hành hệ thống giao dịch mới khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

b) Không xử lý các hành vi vi phạm quy chế giao dịch hoặc không chấp hành đúng quy trình giám sát các hoạt động giao dịch theo quy định để xảy ra vi phạm;

c) Không thực hiện cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam không tạm ngừng, đình chỉ giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hoặc quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Mục 9
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN VÀ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Điều 24. Vi phạm quy định về giấy phép thành lập và hoạt động

---

[64] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp;

b) Tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán trước ngày chính thức hoạt động.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn khi thành lập của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp của mình trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy phép;

b) Mượn, thuê, nhận chuyển nhượng giấy phép hoặc cho mượn, cho thuê, chuyển nhượng giấy phép; không thực hiện hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán với danh nghĩa của chính mình; sử dụng danh nghĩa tổ chức, cá nhân khác hoặc cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng danh nghĩa của mình để kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán.

5. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép;

b) Hoạt động kinh doanh hoặc cung cấp các dịch vụ chứng khoán hoặc dịch vụ khác phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi thực hiện nhưng chưa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc khi chưa có ý kiến bằng văn

bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cung cấp dịch vụ chứng khoán không phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép theo quy định tại Điều 86 Luật Chứng khoán;

c) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng nội dung quy định trong giấy phép, giấy chứng nhận hoặc chấp thuận;

d) Tiếp tục hoạt động hoặc thực hiện hành vi bị cấm hoặc hạn chế trong thời gian tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận.

6. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Lập, xác nhận hồ sơ đề nghị cấp, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động có tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật;

b) [65]Lập, xác nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh có tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

7. [66]Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c khoản 5, khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi cho thuê, chuyển nhượng giấy phép quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

c) [67]Buộc nộp lại giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

---

[65] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 20 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[66] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 25. Vi phạm quy định về những thay đổi phải được chấp thuận

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thay đổi tên của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện một trong các hành vi sau đây khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

a) Thay đổi địa điểm trụ sở chính của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch trong nước và nước ngoài;

b) Thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch trong nước và nước ngoài;

c) Thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; thành lập công ty con tại nước ngoài, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

d) Tạm ngừng hoạt động, trừ trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện một trong các hành vi sau đây khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

a) Chào bán và niêm yết chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại nước ngoài;

b) Thực hiện dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán;

c) Chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

---

[67] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 20 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 26. Vi phạm quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không ban hành đầy đủ các quy trình nội bộ, quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ cung cấp;

b) Không tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp về quản trị, điều hành đối với công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam;

c) Lập, xác nhận hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến có thông tin không chính xác hoặc không sửa đổi, bổ sung hồ sơ khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung phải có trong hồ sơ;

d) Không thu thập, tìm hiểu, cập nhật đầy đủ thông tin về khách hàng, trừ trường hợp khách hàng không cung cấp đầy đủ thông tin; không cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực cho khách hàng theo quy định pháp luật;

đ) Không thông báo tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp, điều kiện cung cấp dịch vụ, danh sách những người hành nghề chứng khoán và các thông tin khác theo quy định pháp luật;

e) Không thông báo theo thời hạn pháp luật quy định về việc bán giải chấp chứng khoán, bán chứng khoán cầm cố hoặc về kết quả giao dịch cho khách hàng.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không lưu giữ đầy đủ hồ sơ thông tin khách hàng; không lưu giữ đầy đủ hồ sơ, dữ liệu, tài liệu, chứng từ liên quan đến hoạt động của công ty chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam; hồ sơ, dữ liệu, tài liệu, chứng từ lưu giữ không phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng, của công ty chứng khoán hoặc chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật; chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam trực tiếp quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán và nhận mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư trong nước;

b) Vi phạm quy định về mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho khách hàng;

c) [68]Vi phạm quy định về trách nhiệm của công ty chứng khoán trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện hành vi bị cấm trong nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;

d) Vi phạm quy định về ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân;

đ) Không thiết lập, duy trì hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro trong từng nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh; không đảm bảo cơ cấu nhân sự tại bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ hoặc không đảm bảo cơ cấu nhân sự đáp ứng điều kiện; không giám sát, ngăn ngừa xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan, giữa các khách hàng hoặc giữa công ty chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam, người hành nghề chứng khoán và khách hàng; không xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;

e) Đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

g) Không tổ chức bộ phận giám sát; không thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; không thực hiện báo cáo khi phát hiện giao dịch chứng khoán có dấu hiệu bất thường theo quy định.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;

b) Thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận hoặc thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;

c) Thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền bằng văn bản của người đứng tên tài khoản;

---

[68] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 21 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

d) Tiết lộ thông tin khách hàng, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn các thông tin về khách hàng theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Điều 89 Luật Chứng khoán;

đ) [69]Vi phạm quy định về nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; vi phạm quy định về điều kiện, hạn chế bảo lãnh phát hành chứng khoán; vi phạm quy định về hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán; vi phạm quy định về phát hành, chào bán sản phẩm tài chính; vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ tư vấn;

e) Thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ không đúng quy định pháp luật;

g) Vi phạm quy định về nhận lệnh và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng;

h) Không trang bị hạ tầng, kỹ thuật hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến theo quy định của pháp luật; không sử dụng các giải pháp đảm bảo an toàn hệ thống, dữ liệu của khách hàng;

i) Không thực hiện xác thực khách hàng giao dịch chứng khoán trực tuyến theo đúng quy định của pháp luật.

4. Hành vi vi phạm quy định về giao dịch ký quỹ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về mở tài khoản giao dịch ký quỹ, chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, thời hạn cho vay giao dịch ký quỹ;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, về ngừng thực hiện giao dịch ký quỹ;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ ký quỹ duy trì, hạn chế giao dịch ký quỹ, cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ, rút tiền vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng;

d) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định không thực hiện quản lý tách biệt tài khoản giao dịch ký quỹ với tài khoản giao dịch thông thường và tài khoản có sử dụng tiền vay của tổ chức tín dụng, tài khoản giao dịch trong ngày, tài khoản giao dịch bán khống có bảo đảm.

---

[69] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 21 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

5. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam;

b) Trực tiếp nhận và chi trả tiền giao dịch chứng khoán của khách hàng; nhận ủy quyền của khách hàng thực hiện chuyển tiền nội bộ giữa các tài khoản của khách hàng;

c) Vi phạm quy định về quản lý chứng khoán của khách hàng;

d) Vi phạm quy định về hạn chế vay nợ hoặc về hạn chế cho vay;

đ) Vi phạm quy định về góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của công ty chứng khoán khác tại Việt Nam.

6. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Lạm dụng, chiếm dụng chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng hoặc tạm giữ chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên công ty chứng khoán;

b) Cho mượn tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng;

c) Sử dụng chứng khoán của khách hàng để cầm cố.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán *có thời hạn*[70] từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán từ 01 tháng đến 03 tháng đối với người hành nghề chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2, các điểm a, b, d, g khoản 3 và từ 06 tháng đến 12 tháng đối với người hành nghề chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

---

[70] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 26 Nghị định này;

b) Không ký kết hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng hoặc hợp đồng ký kết với khách hàng không có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật;

c) [71]Không tuân thủ điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư và hợp đồng ký với ngân hàng giám sát;

d) Không cung cấp thông tin, cung cấp thông tin không đúng thời hạn hoặc không đầy đủ, chính xác cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thiết lập, duy trì hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; không đảm bảo cơ cấu nhân sự tại bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ hoặc không đảm bảo cơ cấu nhân sự đáp ứng điều kiện; không giám sát, ngăn ngừa xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan, giữa các khách hàng hoặc giữa công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, người hành nghề chứng khoán và khách hàng; không xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;

---

[71] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 22 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Vi phạm quy định về trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện hành vi bị cấm trong nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;

c) Không thực hiện đúng quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch khi thực hiện giao dịch cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác và cho công ty;

d) [72]Không tuân thủ tỷ lệ đầu tư hoặc không thực hiện việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư; không tuân thủ quy định về tỷ lệ đầu tư an toàn của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, của quỹ đầu tư chứng khoán, về nguồn vốn đầu tư, công cụ đầu tư khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; không tuân thủ quy định về thông tin, quảng cáo, giới thiệu quỹ;

đ) Không thực hiện đúng quy định về ủy quyền hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

e) Đưa ra nhận định hoặc đảm bảo với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của khách hàng hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

g) Vi phạm quy định về mở tài khoản giao dịch chứng khoán, mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh cho chính mình, cho khách hàng ủy thác, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý;

h) [73]Thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác đầu tư với giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán vượt quá giới hạn về tỷ lệ tổng giá trị giao dịch trong năm của khách hàng ủy thác;

i) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định này;

k) [74]Không tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác; không tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty; không tách biệt về cơ sở vật chất,

---

[72] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 22 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[73] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 22 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[74] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 22 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, d và e khoản 3 Điều 26 Nghị định này;

b) Không thực hiện đúng quy trình, định giá sai giá của chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng, giá trị danh mục đầu tư của quỹ đầu chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán, của nhà đầu tư ủy thác;

c) Vi phạm quy định về hạn chế đối với hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, người có liên quan của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và nhân viên làm việc tại công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; vi phạm quy định về hạn chế đối với hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán; vi phạm quy định về quỹ đầu tư bất động sản; vi phạm quy định về hạn chế đối với hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán;

d) Không đảm bảo việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam;

đ) Đứng tên chủ sở hữu tài sản thay mặt cho khách hàng ủy thác khi khách hàng không có yêu cầu bằng văn bản hoặc thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác trong trường hợp đứng tên chủ sở hữu tài sản thay mặt cho khách hàng nhưng không được khách hàng chấp thuận trước khi thực hiện giao dịch.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hành vi trốn tránh nghĩa vụ pháp lý, hạn chế phạm vi bồi thường và trách nhiệm tài chính của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chuyển rủi ro từ công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán sang nhà đầu tư;

b) [75]Sử dụng tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào chính quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán đó;

---

[75] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 22 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Vi phạm quy định về đầu tư tài chính, mua cổ phần, phần vốn góp, trái phiếu, tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp, nắm giữ cổ phần;

d) Vi phạm quy định về việc đi vay để tài trợ cho hoạt động của quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán;

đ) [76]Sử dụng tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán để thanh toán nghĩa vụ nợ, cho vay hoặc bảo lãnh bất kỳ khoản vay nào của công ty, người có liên quan của công ty hoặc bất kỳ đối tác nào; sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; hoặc trong trường hợp khách hàng ủy thác quản lý danh mục đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác;

e) Vi phạm quy định về việc cho vay hoặc giao vốn của công ty cho tổ chức, cá nhân;

g) Cho khách hàng vay, mượn chứng khoán hoặc các tài sản khác; môi giới giao dịch giữa khách hàng và bên thứ ba;

h) Không lưu ký và quản lý tách biệt tài sản và vốn của từng nhà đầu tư ủy thác, của từng quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý; không tách biệt tài sản ủy thác, tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán và tài sản của chính công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

i) Thực hiện đầu tư vào tài sản không đúng quy định pháp luật cho khách hàng ủy thác;

k) Thông đồng với công ty chứng khoán thực hiện giao dịch quá mức đối với các chứng khoán trong danh mục đầu tư của một quỹ do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý để công ty chứng khoán thu lợi từ phí môi giới;

l) [77]Đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn ủy thác, vốn của quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán khi hợp đồng ủy thác đầu tư, điều

---

[76] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 22 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[77] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 22 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

lệ quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán không có điều khoản cho phép sử dụng nguồn vốn ủy thác, vốn của quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư chứng khoán phái sinh;

m) Đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn của mình, nguồn vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

5. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Vi phạm quy định về huy động và quản lý quỹ, tài sản tại Việt Nam;

b) Vi phạm quy định về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam;

c) Thực hiện đầu tư vào tài sản không đúng quy định pháp luật cho khách hàng ủy thác;

d) Chào bán, phát hành chứng khoán để huy động vốn cho chính mình tại Việt Nam;

đ) Vi phạm quy định pháp luật chứng khoán về chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

e) Không lưu ký và quản lý tách biệt tài sản và vốn của từng nhà đầu tư ủy thác, của từng quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán do chi nhánh quản lý; không tách biệt tài sản ủy thác, tài sản của quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán và tài sản của chính chi nhánh.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán từ 01 tháng đến 03 tháng đối với người hành nghề chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 2, các điểm b, d khoản 3, các điểm g, i khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài *có thời hạn*[78] từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều này.

---

[78] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc lưu ký và quản lý tách biệt tài sản và vốn của từng nhà đầu tư ủy thác, của từng quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam quản lý; buộc quản lý tách biệt tài sản ủy thác, tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán và tài sản của chính công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 4 và điểm e khoản 5 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) [79]Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp;

b) Không ban hành quy trình định giá giá trị tài sản ròng công ty đầu tư chứng khoán hoặc không xác định giá trị tài sản ròng hoặc định giá sai giá trị tài sản ròng công ty đầu tư chứng khoán.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tham gia xây dựng, triển khai và phát triển dự án bất động sản;

b) Vi phạm quy định về hạn chế đối với hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán, về tỷ lệ đầu tư an toàn khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Thực hiện giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp không đúng quy định pháp luật; thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ không đúng quy định pháp luật.

---

[79] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn lập, xác nhận hồ sơ đăng ký thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định về hoạt động của đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) [80]***(được bãi bỏ)****;*

b) Không nhận diện thông tin nhà đầu tư hoặc không thiết lập hệ thống để quản lý, lưu trữ đầy đủ thông tin về nhà đầu tư theo quy định pháp luật;

c) Vi phạm quy định trong nhận và chuyển lệnh giao dịch của nhà đầu tư; không thiết lập hệ thống tiếp nhận lệnh giao dịch theo quy định pháp luật;

d) Vi phạm quy định về quản lý tài khoản của nhà đầu tư, tiểu khoản của nhà đầu tư;

đ) Không cập nhật đầy đủ, chính xác kịp thời mã số giao dịch chứng khoán và trạng thái sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài;

e) Không cập nhật thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư, không gửi xác nhận giao dịch cho nhà đầu tư.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Vi phạm quy định trong phân phối chứng chỉ quỹ;

b) Vi phạm quy định trong thực hiện lệnh mua, lệnh bán chứng chỉ quỹ.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán không đăng ký hoạt động đại lý phân phối theo quy định pháp luật.

---

[80] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 30. Vi phạm quy định về văn phòng đại diện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện thủ tục điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với Trưởng đại diện, nhân viên tại văn phòng đại diện đồng thời kiêm nhiệm vị trí trong trường hợp không được kiêm nhiệm.

3. [81]Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Hoạt động văn phòng đại diện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện;

b) Không đăng ký hoạt động văn phòng đại diện hoặc hoạt động văn phòng đại diện khi chưa được chấp thuận hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện.

4. [82]Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động kinh doanh tại Việt Nam ngoài phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện của công ty chứng khoán nước ngoài hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

5. [83]Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện có thời hạn từ 18 tháng đến 24 tháng đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Làm đại diện cho tổ chức khác; thực hiện chuyển nhượng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện cho cá nhân, tổ chức khác;

b) Tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện.

---

[81] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[82] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[83] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

6. [84]Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

7. [85]Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc dừng thực hiện hoạt động văn phòng đại diện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về thành lập quỹ thành viên

1. [86]Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký lập quỹ thành viên khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng phương tiện thông tin đại chúng để quảng cáo, kêu gọi góp vốn, thăm dò thị trường trong quá trình thành lập quỹ thành viên;

b) Thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ không đúng quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) [87]Không đăng ký thành lập quỹ thành viên theo quy định pháp luật hoặc thành lập quỹ thành viên khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

---

[84] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[85] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[86] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 25 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[87] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 25 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

không xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua chứng khoán khi đăng ký lập quỹ thành viên;

b) Không báo cáo theo thời hạn pháp luật quy định về rủi ro, tổn thất tài sản quỹ.

4. [88]Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký lập quỹ thành viên có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 32. Vi phạm quy định về hành nghề chứng khoán và về quản lý nhân viên, người hành nghề chứng khoán

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo theo thời hạn pháp luật quy định khi thay đổi người hành nghề chứng khoán;

b) Không bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ có đủ chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện; bố trí người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ không phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp;

c) Bố trí nhân viên, người hành nghề chứng khoán kiêm nhiệm công việc trong trường hợp không được kiêm nhiệm.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bố trí người chưa có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc người đang trong thời gian bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ, vị trí mà theo quy định pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

---

[88] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 25 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Không báo cáo theo thời hạn pháp luật quy định khi phát hiện người hành nghề chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. [89]Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với người hành nghề chứng khoán đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nơi mình làm việc.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Mượn, thuê chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc cho mượn, cho thuê chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

b) Tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

5. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;

b) Thực hiện mua, bán chứng khoán trên tài khoản giao dịch ủy thác vượt quá phạm vi được ủy thác, giá trị tài sản ủy thác và mục tiêu đầu tư của khách hàng ủy thác; đầu tư thay cho khách hàng, trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân;

c) Môi giới giao dịch vay, mượn tài sản giữa các khách hàng hoặc giữa khách hàng và bên thứ ba, trừ trường hợp vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch hoặc vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục.

6. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng tài khoản, tài sản của khách hàng khi không được khách hàng ủy thác hoặc không đúng nội dung ủy thác; sử dụng tài khoản hoặc tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi chưa được công ty chứng khoán ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho công ty chứng khoán bằng văn bản;

---

[89] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 26 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán hoặc cho khách hàng vay chứng khoán trong trường hợp không được phép thực hiện.

7. [90]Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

8. [91]Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi cho thuê chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

Mục 10
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 33. Vi phạm quy định về giao dịch của cổ đông sáng lập; cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; người nội bộ của công ty đại

[90] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 26 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[91] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 26 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ[92]

1. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn khi có thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng và phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo khi có thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

2. Hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch bị xử phạt theo giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Cảnh cáo nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 2.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

---

[92] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

h) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

3. Hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch bị xử phạt theo giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Cảnh cáo nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

4. Hành vi giao dịch ngoài khoảng thời gian đăng ký hoặc ngoài khoảng thời gian Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con công bố thông tin, vượt quá giá trị đăng ký bị xử phạt theo giá trị chứng khoán giao dịch thực tế tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Cảnh cáo nếu giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 1% đến 2% giá trị chứng khoán giao dịch thực tế nếu giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên. Trường hợp mức phạt tiền cao hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

5. Hành vi không báo cáo về việc dự kiến giao dịch bị xử phạt theo giá trị chứng khoán giao dịch thực tế tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền 3% đến 5% giá trị chứng khoán giao dịch thực tế nếu giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên. Trường hợp mức phạt tiền cao hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng hoặc khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; cổ đông sáng lập báo cáo không đúng thời hạn trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng và phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng hoặc khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; cổ đông sáng lập báo cáo không đúng thời hạn trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 03 tháng đến 05 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 5 Điều này.

Điều 34. Vi phạm quy định về giao dịch, nắm giữ chứng khoán của nhà đầu tư

1. [93]Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi cho người khác mượn tài khoản để giao dịch chứng khoán hoặc đứng tên sở hữu chứng khoán hộ người khác dẫn đến hành vi thao túng thị trường chứng khoán.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Vi phạm quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

b) Vi phạm quy định về hoạt động đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

c) Vi phạm quy định về tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần hoặc phần vốn góp của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

d) Vi phạm quy định về mở tài khoản giao dịch chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán, tài khoản giao dịch ủy quyền;

đ) Vi phạm quy định về giao dịch trong ngày giao dịch hoặc trong đợt khớp lệnh định kỳ.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thực hiện hành vi chuyển nhượng chứng khoán chào bán riêng lẻ vi phạm quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

4. [94]Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trốn tránh hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin

---

[93] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[94] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

hoặc chào mua công khai hoặc quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán *có thời hạn*[95] từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Buộc bán cổ phiếu hoặc vốn cổ phần hoặc phần vốn góp trong thời hạn tối đa 60 ngày để giảm tỷ lệ nắm giữ theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và c khoản 2 Điều này.

Điều 35. Vi phạm sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán

1. [96]Phạt tiền 10 lần khoản thu trái pháp luật nhưng không thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này đối với hành vi sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán. Trường hợp không có khoản thu trái pháp luật hoặc mức phạt tính theo khoản thu trái pháp luật thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này đề xử phạt.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán *có thời hạn*[97] từ 01 tháng đến 03 tháng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

---

[95] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[96] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[97] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán *có thời hạn*[98] từ 18 tháng đến 24 tháng đối với người hành nghề chứng khoán có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại khoản thu trái pháp luật có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 36. Vi phạm thao túng thị trường chứng khoán

1. [99]Phạt tiền 10 lần khoản thu trái pháp luật nhưng không thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này đối với hành vi thao túng thị trường chứng khoán. Trường hợp không có khoản thu trái pháp luật hoặc mức phạt tính theo khoản thu trái pháp luật thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này để xử phạt.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán *có thời hạn*[100] từ 01 tháng đến 03 tháng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán *có thời hạn*[101] từ 18 tháng đến 24 tháng đối với người hành nghề chứng khoán có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại khoản thu trái pháp luật có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

---

[98] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[99] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[100] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[101] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Mục 11
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, BÙ TRỪ VÀ THANH TOÁN CHỨNG KHOÁN, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, NGÂN HÀNG LƯU KÝ

Điều 37. Vi phạm quy định về đăng ký chứng khoán

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty đại chúng không đăng ký chứng khoán hoặc đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không đúng thời hạn theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty đại chúng vi phạm quy định về thực hiện quyền, đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 38. Vi phạm quy định về đăng ký hoạt động lưu ký, đăng ký hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán chứng khoán không thực hiện đăng ký thành viên lưu ký, thành viên bù trừ và hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán trong thời hạn quy định.

2. [102]Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc chi nhánh của công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại thực hiện hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán khi chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện; hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, quyết định chấp thuận cho chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại được thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán, giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán

[102] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

chứng khoán, chưa có văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận được báo cáo ủy quyền cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán, chưa được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên.

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập hồ sơ đăng ký hoạt động lưu ký, đăng ký hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

4. [103]Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

5. [104]Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc dừng thực hiện hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 39. Vi phạm quy định về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, ngân hàng thanh toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn, chính xác danh sách người sở hữu chứng khoán và các tài liệu liên quan theo yêu cầu hợp lệ và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành của công ty đại chúng, tổ chức phát hành;

---

[103] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[104] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Không thông báo theo thời hạn pháp luật quy định hoặc thông báo không đầy đủ các quyền lợi phát sinh liên quan đến chứng khoán lưu ký của khách hàng.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu, thành viên bù trừ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:[105]

a) Vi phạm quy định về bảo quản, lưu giữ chứng khoán; vi phạm quy định về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;

b) Thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán, bị đình chỉ, chấm dứt tư cách thành viên không thực hiện chuyển tài sản ký quỹ và vị thế mở của nhà đầu tư sang thành viên bù trừ thay thế theo yêu cầu của nhà đầu tư; không thực hiện các giao dịch để thanh lý, đóng vị thế theo yêu cầu của nhà đầu tư; không thực hiện thanh lý, đóng vị thế trên tài khoản tự doanh, tài khoản tạo lập thị trường; không bảo đảm ưu tiên thực hiện các giao dịch của nhà đầu tư trước các giao dịch đóng vị thế hoặc mở vị thế của chính mình.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu, thành viên bù trừ và phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với nhân viên của thành viên lưu ký hoặc nhân viên của thành viên bù trừ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:[106]

a) [107]*Ghi nhận không chính xác tài sản, các quyền tài sản và các lợi ích có liên quan đến tài sản nhận lưu ký của khách hàng; hạch toán sai trên tài khoản lưu ký chứng khoán, tài khoản vị thế hoặc tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ; thanh toán không đúng thời hạn, thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán đã đăng ký không qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu trái quy định pháp luật;*

---

[105] Đoạn mở đầu khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 32 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[106] Đoạn mở đầu khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 32 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[107] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 32 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Thực hiện giao dịch chứng khoán khi chưa được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hạch toán vào tài khoản chứng khoán giao dịch của thành viên;

c) Không bảo vệ cơ sở dữ liệu và lưu giữ các chứng từ gốc về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán theo quy định;

d) Không bảo mật thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán của khách hàng;

đ) [108]Không quản lý tách biệt tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ là tiền và chứng khoán của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; không mở tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ chi tiết cho từng khách hàng và quản lý tách biệt tài sản, vị thế giao dịch của từng khách hàng và của khách hàng với thành viên bù trừ;

e) Không quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của thành viên bù trừ với tài khoản, tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; không quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của từng thành viên bù trừ hoặc không quản lý tách biệt tài khoản, tài sản ký quỹ của từng thành viên bù trừ và các khách hàng của chính thành viên bù trừ đó; tách biệt giữa tài sản ký quỹ, tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán phái sinh và tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán cơ sở;

g) Không thu đủ tài sản ký quỹ của khách hàng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cấp giấy chứng nhận thành viên lưu ký, thành viên bù trừ khi chưa đáp ứng đủ điều kiện hoặc khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, giấy chứng nhận đủ điều kiện cung

[108] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 32 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; thu hồi giấy chứng nhận thành viên lưu ký, giấy chứng nhận thành viên bù trừ khi không thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận thành viên lưu ký, giấy chứng nhận thành viên bù trừ;

b) Sử dụng chứng khoán, tài sản ký quỹ của khách hàng vì lợi ích của cá nhân, tổ chức khác hoặc vì lợi ích của chính Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ và phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với nhân viên của thành viên lưu ký, thành viên bù trừ thực hiện hành vi sửa chữa, làm thất lạc chứng từ trong thanh toán, chuyển giao quyền sở hữu chứng khoán.

6. [109]Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ, thanh toán chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với thành viên lưu ký, thành viên bù trừ vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với người hành nghề chứng khoán vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) [110]Buộc quản lý tách biệt tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ là tiền và chứng khoán của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; buộc mở tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ chi tiết cho từng khách hàng; buộc quản lý tách biệt tài sản, vị thế giao dịch của từng khách hàng và của khách hàng với thành viên bù trừ đối với hành vi vi phạm quy

---

[109] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 32 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[110] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 32 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

định tại điểm đ khoản 3 Điều này trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

b) Buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của thành viên bù trừ với tài khoản, tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của từng thành viên bù trừ; buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản ký quỹ của từng thành viên bù trừ và các khách hàng của chính thành viên bù trừ đó; buộc tách biệt giữa tài sản ký quỹ, tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán phái sinh và tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán cơ sở đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều này trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành.

Điều 40. Vi phạm quy định về trách nhiệm của ngân hàng lưu ký

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với ngân hàng lưu ký thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của ngân hàng lưu ký theo quy định tại hợp đồng lưu ký chứng khoán, điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán và theo quy định pháp luật;

b) Không lập, lưu giữ hồ sơ, chứng từ theo quy định; hồ sơ, chứng từ lưu giữ không phản ánh chính xác, chi tiết các giao dịch của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật;

c) Không cung cấp thông tin, cung cấp thông tin không đầy đủ, chính xác cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

d) Không đảm bảo có đủ số nhân viên nghiệp vụ tối thiểu có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định pháp luật;

đ) Chưa xây dựng quy trình hoạt động, quản lý rủi ro để đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với ngân hàng lưu ký thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền, chứng khoán không chính xác hoặc không đúng thời gian quy định;

b) Thực hiện việc thanh toán cho các giao dịch không phù hợp với điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác và hợp đồng lưu ký chứng khoán;

c) Không thực hiện đúng, đầy đủ, chính xác lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp khác của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, của ngân hàng giám sát và các quyền phát sinh trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán và của nhà đầu tư ủy thác trong phạm vi hợp đồng lưu ký chứng khoán, hợp đồng giám sát và quy định pháp luật có liên quan;

d) Không thực hiện đúng, đầy đủ, chính xác việc thanh lý tài sản, phương án xử lý các tài sản còn lại và thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các thông tin cần thiết có liên quan đến việc giải thể quỹ đầu tư.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với ngân hàng lưu ký thực hiện hành vi không lưu ký, không tách biệt tài sản của từng quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán, của từng khách hàng ủy thác và tài sản của ngân hàng theo quy định pháp luật.

4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với ngân hàng lưu ký thực hiện hành vi sử dụng tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán, của nhà đầu tư ủy thác không đúng quy định pháp luật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động lưu ký *có thời hạn*[111] từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lưu ký, quản lý tách biệt tài sản của từng quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán, của từng khách hàng ủy thác và tài sản của ngân hàng theo quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này trong

[111] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 41. Vi phạm quy định về trách nhiệm của ngân hàng giám sát

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với ngân hàng giám sát thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của ngân hàng giám sát theo quy định tại hợp đồng giám sát, điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán và theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 40 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với ngân hàng giám sát thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Là người có liên quan hoặc tham gia điều hành, quản trị công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc có quan hệ sở hữu, tham gia góp vốn, nắm giữ cổ phần, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và ngược lại;

b) Là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của quỹ đại chúng, của công ty đầu tư chứng khoán;

c) Không giám sát hoạt động, hạn chế đầu tư của quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện;

d) Không báo cáo theo thời hạn pháp luật quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện vi phạm của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Không thông báo theo thời hạn pháp luật quy định cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán là người

có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và ngược lại;

e) Không tách biệt về hoạt động, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống báo cáo giữa bộ phận cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng, bộ phận thực hiện chức năng giám sát, bộ phận chịu trách nhiệm lập, lưu trữ và cập nhật Sổ đăng ký nhà đầu tư;

g) Không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của ngân hàng giám sát tại các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của quỹ đầu tư do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán lập; xác nhận báo cáo tài sản quỹ đại chúng, tài sản công ty đầu tư chứng khoán, báo cáo xác định giá trị tài sản ròng do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán lập không chính xác hoặc sai lệch.

Mục 12
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO

Điều 42. Vi phạm quy định về công bố thông tin

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện đăng ký, đăng ký lại người công bố thông tin hoặc người được ủy quyền công bố thông tin hoặc không ban hành quy chế về công bố thông tin;

b) Không thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) [112]Không tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về phương tiện, hình thức hoặc ngôn ngữ công bố thông tin;

b) Không lưu giữ thông tin công bố theo quy định pháp luật.

---

[112] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 33 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán;

b) Công bố thông tin không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán;

c) Công bố thông tin cá nhân của chủ thể khi chưa được chủ thể đồng ý.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không công bố đối với thông tin phải công bố theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán;

b) Không xác nhận hoặc đính chính thông tin hoặc xác nhận, đính chính thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật khi có thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán hoặc khi nhận được yêu cầu xác nhận, đính chính thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con theo quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

5. [113]Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin sai lệch.

5a. [114]Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Chứng khoán.

---

[113] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 33 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

5b. [115]Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán; hoạt động văn phòng đại diện; hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán; hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5a Điều này.

6. [116]Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ thông tin hoặc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 5a Điều này.

Điều 43. Vi phạm quy định về báo cáo

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ thông tin đã báo cáo theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Báo cáo không đúng thời hạn theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán;

b) Báo cáo không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

3. [117]Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo đối với thông tin phải báo cáo theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

---

[114] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 33 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[115] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 33 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[116] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 33 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[117] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 34 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3a. [118]Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo có nội dung sai lệch hoặc sai sự thật.

4. [119]Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc báo cáo thông tin chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3a Điều này.

Mục 13
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TOÁN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, TỔ CHỨC NIÊM YẾT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Điều 44. Vi phạm quy định về kiểm toán công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng, công ty chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện hành vi vi phạm quy định về báo cáo khi thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở hoặc lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo khi báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm dưới 15 ngày so với quy định;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm từ 15 ngày trở lên so với quy định;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng khi không báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định.

---

[118] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 34 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[119] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 34 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) [120]Không thông báo cho đơn vị được kiểm toán trong quá trình kiểm toán khi phát hiện hành vi không tuân thủ pháp luật và quy định liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc không kiến nghị đơn vị được kiểm toán có biện pháp ngăn ngừa, sửa chữa, xử lý sai phạm hoặc không ghi ý kiến vào báo cáo kiểm toán hoặc thư quản lý theo quy định của chuẩn mực kiểm toán trong trường hợp đơn vị được kiểm toán không sửa chữa, xử lý sai phạm;

b) Không thông báo theo thời hạn pháp luật quy định cho đơn vị được kiểm toán hoặc cho người thứ ba hoặc cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có nghi ngờ hoặc phát hiện đơn vị được kiểm toán có sai phạm trọng yếu do không tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

c) Không giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán hoặc giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán không đúng thời hạn, không đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Chứng khoán.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện hành vi giao một phần hoặc toàn bộ công việc kiểm toán công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng, công ty chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ và các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán cho tổ chức kiểm toán không được chấp thuận thực hiện.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành.

---

[120] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Mục 14
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN VÀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 45. Hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền và phòng, chống khủng bố trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng, biện pháp đánh giá tăng cường quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Luật Phòng, chống rửa tiền, không báo cáo các giao dịch đáng ngờ trong lĩnh vực chứng khoán quy định tại khoản 5 Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không có hệ thống quản lý rủi ro để xác định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định về kiểm toán nội bộ, rà soát khách hàng trong phòng, chống rửa tiền thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không rà soát khách hàng và các bên liên quan theo các danh sách cảnh báo trước khi thiết lập mối quan hệ hoặc cung cấp các dịch vụ cho khách hàng;

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật khi

có khách hàng và bên có liên quan nằm trong các danh sách cảnh báo; không thực hiện kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền sau đây:

a) Không ban hành và tuân thủ quy định nội bộ về phòng chống rửa tiền;

b) Không xây dựng quy định phân loại khách hàng, không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền theo quy định của pháp luật; không ban hành quy trình quản lý rủi ro các giao dịch liên quan tới công nghệ mới theo quy định tại Điều 15 Luật Phòng, chống rửa tiền.

4. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Luật Phòng, chống rửa tiền;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh, tài khoản sử dụng tên giả theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Phòng, chống rửa tiền;

d) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện thực hiện hành vi rửa tiền.

5. [121]Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam không lưu giữ và cập nhật thông tin cơ bản về cơ cấu tổ chức, người sáng lập, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Phòng, chống rửa tiền.

---

[121] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 36 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

6. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định về chống tài trợ khủng bố thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng các biện pháp nhận biết, cập nhật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống khủng bố;

b) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không tố giác tài trợ khủng bố.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán *có thời hạn*[122] từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.

Mục 15
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THANH TRA, KIỂM TRA CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

Điều 46. Hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, yêu cầu cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử hoặc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử không đúng thời hạn, không đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của đoàn thanh tra, kiểm tra hoặc người có thẩm quyền;

b) Chống đối, cản trở, gây khó khăn hoặc trốn tránh việc thanh tra, kiểm tra của người có thẩm quyền; không giải trình, không đến làm việc theo yêu cầu của người có thẩm quyền;

c) Cố ý trì hoãn, trốn tránh, không thi hành quyết định hành chính của người có thẩm quyền; không thực hiện các yêu cầu, kiến nghị, kết luận, quyết định xử lý của đoàn thanh tra, kiểm tra, người có thẩm quyền.

---

[122] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Che giấu, sửa chữa chứng từ, tài liệu, sổ sách, dữ liệu điện tử hoặc làm thay đổi tang vật trong khi đang bị thanh tra, kiểm tra;

b) Tự ý tháo bỏ, tẩu tán hoặc có hành vi khác làm thay đổi tình trạng niêm phong tiền, chứng khoán, sổ sách, hồ sơ, chứng từ kế toán hoặc các tang vật, phương tiện bị niêm phong khác; chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung thanh tra.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán *có thời hạn*[123] từ 01 tháng đến 03 tháng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán *có thời hạn*[124] từ 01 tháng đến 03 tháng đối với người hành nghề chứng khoán có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là chứng từ, tài liệu, sổ sách, dữ liệu điện tử đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Chương III
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT, LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG HÌNH THỨC XỬ PHẠT BỔ SUNG, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 47. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

[123] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[124] Cụm từ "trong thời hạn" được thay thế bởi cụm từ "có thời hạn" theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

1. Chánh Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại khoản 5 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

d) [125]Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định này;

đ) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 10 lần khoản thu trái pháp luật đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 05 lần khoản thu trái pháp luật đối với cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 36 Nghị định này;

c) Phạt tiền tối đa đến 3.000.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 1.500.000.000 đồng đối với cá nhân có các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực chứng khoán;

d) [126]Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn;

đ) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

---

[125] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 37 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[126] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 37 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 10 lần khoản thu trái pháp luật đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 05 lần khoản thu trái pháp luật đối với cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 36 Nghị định này;

c) Phạt tiền tối đa đến 3.000.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 1.500.000.000 đồng đối với cá nhân có các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực chứng khoán;

d) [127]Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn;

đ) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 48. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Các chức danh nêu tại Điều 47 Nghị định này khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

2. [128]Công chức thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; công chức thuộc ngành tài chính đang thi hành nhiệm vụ, công vụ; công chức, viên chức, người có thẩm quyền đang thi hành nhiệm vụ, công vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định này phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định và chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

---

[127] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 37 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[128] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. [129]Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản trong trường hợp xử phạt cảnh cáo vi phạm tại quy định tại khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 1 Điều 14, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 33, khoản 1 Điều 42, điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định này, trừ trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ.

Điều 49. Áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán

1. [130]Khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20, điểm a khoản 7 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 6 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 36, khoản 5b Điều 42, khoản 7 Điều 45, điểm a khoản 3 Điều 46 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán của tổ chức vi phạm.

2. Trường hợp chỉ ra quyết định đình chỉ có thời hạn một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán thì người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này phải ghi rõ trong quyết định xử phạt về nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán bị đình chỉ, thời hạn đình chỉ và hiệu lực thi hành của quyết định đình chỉ.

3. [131]Trường hợp bị đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, tổ chức bị xử phạt phải dừng ngay một phần hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán được ghi trong quyết định xử phạt, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành và phải tuân thủ các quy định cấm hoặc hạn chế thực hiện trong thời gian bị đình chỉ hoạt động.

---

[129] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[130] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[131] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

4. [132]Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 50. Áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán[133]

1. Khi áp dụng hình thức xử phạt là đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán quy định tại khoản 4 Điều 38, điểm a khoản 6 Điều 39, khoản 5 Điều 40 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán của tổ chức vi phạm.

2. Trường hợp bị đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán có thời hạn, tổ chức bị xử phạt phải dừng ngay một phần hoặc toàn bộ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán được ghi trong quyết định xử phạt kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành và phải tuân thủ các quy định cấm hoặc hạn chế thực hiện trong thời gian bị đình chỉ hoạt động.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng Việt Nam để thi hành.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ nhận được quyết định xử phạt, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải gửi văn bản thông báo cho người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thi hành.

Điều 50a. Áp dụng hình thức tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán[134]

---

[132] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[133] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

1. Trường hợp bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, người hành nghề chứng khoán phải dừng ngay toàn bộ hoạt động nghiệp vụ được ghi trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành và phải tuân thủ các quy định cấm hoặc hạn chế thực hiện trong thời gian bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho người hành nghề chứng khoán bị xử phạt và công ty chứng khoán nơi người hành nghề chứng khoán làm việc để thi hành.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ nhận được quyết định xử phạt, công ty chứng khoán nơi người hành nghề chứng khoán làm việc phải gửi văn bản thông báo cho người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thi hành tại tổ chức của mình.

Điều 51. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin, cá nhân, tổ chức vi phạm phải công bố về việc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin trên 01 tờ báo trung ương trong 03 số liên tiếp và trên trang thông tin điện tử của công ty. Cá nhân, tổ chức vi phạm khi thực hiện hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con về thông tin hủy bỏ và thông tin được cải chính.

2. Thời hạn thực hiện biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp hoặc khoản thu trái pháp luật có được do thực hiện hành vi vi phạm là tối đa 60 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành.

3. [135]Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này là tối đa 30 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp quy định tại các điểm

---

[134] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 41 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[135] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 42 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

a, b và e khoản 9 Điều 8; điểm c khoản 9 Điều 8 trong trường hợp buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất; các điểm a và b khoản 5 Điều 9, các điểm a, b và c khoản 8 Điều 10, các điểm b và c khoản 6 Điều 12, khoản 3 Điều 15a, điểm d khoản 6 Điều 17, điểm a khoản 7 Điều 18, khoản 8 Điều 26, khoản 7 Điều 27, điểm c khoản 8 Điều 32, điểm b khoản 6 Điều 34, khoản 7 Điều 39, điểm a khoản 6 Điều 40, khoản 4 Điều 44, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Nghị định này. Cá nhân, tổ chức vi phạm phải báo cáo người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản này trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Việc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) và tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc quy định tại các điểm a, đ, e khoản 9 Điều 8, các điểm a, b khoản 5 Điều 9, điểm a khoản 8 Điều 10, các điểm b, c khoản 6 Điều 12 Nghị định này được thực hiện như sau:

a) [136]Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cá nhân, tổ chức vi phạm phải gửi văn bản thông báo cho nhà đầu tư đồng thời công bố trên 01 tờ báo trung ương trong 03 số liên tiếp và trên trang thông tin điện tử của công ty về việc hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu hoặc lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà cá nhân, tổ chức vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc. Khoản tiền lãi của tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc mà cá nhân, tổ chức vi phạm phải trả cho nhà đầu tư được tính từ ngày nhà đầu tư nộp tiền đến ngày cá nhân, tổ chức vi phạm trả lại tiền cho nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng chứng khoán mua trong đợt chào bán nêu trên hợp lệ, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm xác định các nhà đầu tư đã nhận chuyển nhượng trước thời điểm thông báo hoàn trả tiền và số lượng chứng khoán hiện đang nắm giữ để thông báo cho nhà đầu tư đó được biết;

---

[136] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 42 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Cá nhân, tổ chức vi phạm phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả thực hiện việc hoàn trả tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cho nhà đầu tư, trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc hoàn trả tiền cho nhà đầu tư.

5. Biện pháp buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 26, điểm b khoản 8 Điều 32 Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Trường hợp bị áp dụng biện pháp buộc hoàn trả tiền cho khách hàng đối với hành vi quy định tại khoản 8 Điều 26, điểm b khoản 8 Điều 32 Nghị định này, tổ chức, cá nhân vi phạm phải hoàn trả cho khách hàng toàn bộ số tiền trên tài khoản của khách hàng bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản của khách hàng tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực. Khoản tiền lãi mà tổ chức, cá nhân vi phạm phải trả cho khách hàng được tính từ ngày tiền trên tài khoản của khách hàng bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật đến ngày tổ chức, cá nhân vi phạm trả lại tiền cho khách hàng;

b) Trường hợp bị áp dụng biện pháp buộc hoàn trả chứng khoán cho khách hàng đối với hành vi quy định tại khoản 8 Điều 26, điểm b khoản 8 Điều 32 Nghị định này, tổ chức, cá nhân vi phạm phải hoàn trả cho khách hàng số chứng khoán đã bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật cộng thêm số chứng khoán, số tiền phát sinh từ số chứng khoán đã bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật (nếu có) trong thời gian lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật;

c) [137]Cá nhân, tổ chức vi phạm phải báo cáo người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.

---

[137] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 42 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 51a. Áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán[138]

1. Khi áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán quy định tại khoản 7 Điều 33, khoản 1 Điều 34 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này ra quyết định đình chỉ có thời hạn đối với toàn bộ hoạt động giao dịch chứng khoán trên thị trường giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân vi phạm. Tổ chức, cá nhân vi phạm phải dừng ngay toàn bộ hoạt động mua, bán chứng khoán trên thị trường giao dịch chứng khoán, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các công ty chứng khoán để thi hành.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ nhận được quyết định xử phạt, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các công ty chứng khoán liên quan phải gửi văn bản thông báo cho người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thi hành tại tổ chức của mình.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[139]

---

[138] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 43 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[139] Điều 3 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, quy định như sau:

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc xem xét ra quyết định xử phạt khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn;

b) Đối với các hành vi vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức còn khiếu nại, khởi kiện thì được giải quyết theo quy

Điều 52. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 52a. Thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán[140]

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành hình thức xử phạt chính là phạt tiền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt có trách nhiệm gửi chứng từ nộp phạt có xác nhận của Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng cho người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành mà không nhận được chứng từ chứng minh đã nộp tiền phạt vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân vi phạm, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm gửi văn bản đôn đốc tổ chức, cá nhân vi phạm nộp tiền phạt theo quyết định xử phạt.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành hình thức xử phạt chính là đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn, tước quyền sử dụng giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề có thời hạn quy định tại các điểm c và d khoản 1 Điều 4 Nghị định này, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này mà

định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.

3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

[140] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 44 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

không nhận được báo cáo kết quả thực hiện của tổ chức, cá nhân vi phạm, tổ chức có liên quan, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm gửi văn bản đôn đốc tổ chức, cá nhân vi phạm, tổ chức có liên quan thực hiện hoặc tiến hành kiểm tra kết quả thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả của tổ chức, cá nhân bị xử phạt.

Điều 52b. Công bố công khai việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán[141]

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền từ 70.000.000 đồng trở lên hoặc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là tước quyền sử dụng giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn hoặc bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này sẽ bị công bố công khai thông tin về vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, quyết định xử phạt phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Nội dung công bố công khai bao gồm: họ, tên, địa chỉ của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm, hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thời gian thực hiện."

Điều 53. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc xem xét ra quyết định xử phạt khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm

[141] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 45 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP để giải quyết.

Điều 54. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phương pháp tính khoản thu trái pháp luật, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này và tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 09/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng